

Bản án số: 18/2026/HNGĐ- ST

Ngày: 12 – 03 – 2026.

Về việc: “Ly hôn, tranh chấp về
Nuôi con”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Mai.

Các hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Tuyết và ông Lê Khắc Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Quốc Nam - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Y Gôn Niê – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 03 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7, tỉnh Đắk Lắk, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 198/2025/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 10 năm 2025, về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2026/ QĐXXST - HNGĐ, ngày 25 tháng 02 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị H, sinh năm 1987. Nơi cư trú: Thôn C, xã E, tỉnh Đắk Lắk (có đơn xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Ông Trần Văn X, sinh năm: 1984. Nơi cư trú: Thôn C, xã E, tỉnh Đắk Lắk (có đơn xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

**** Tại đơn khởi kiện ghi ngày 13/8/2025 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Trần Thị H trình bày:*** Bà H và ông Trần Văn X đang

ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã E vào ngày 19/7/2008 trên cơ sở tự nguyện. Sau khi về chung sống cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân theo bà H là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt nên đã sống ly thân từ năm 2021 cho đến nay, mỗi người sống một nơi. Do đó, bà H làm đơn với nguyện vọng đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn với ông Trần Văn X.

- Về con chung: Trong thời gian chung sống bà H và ông X có 02 con chung Trần Thị Hồng T, sinh ngày 24/8/2005 và Trần Xuân P, sinh ngày 04/3/2012. Do cháu P có nguyện vọng ở với bố là ông Trần Văn X nên bà H1 đồng ý giao con chung Trần Xuân P, sinh ngày 04/3/2012 cho ông X nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành; Về cấp dưỡng nuôi con tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết; Đối với con chung là Trần Thị Hồng T, sinh ngày 24/8/2005, đã trên 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết;

- **Về tài sản chung và công nợ chung:** Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Tại bản tự khai và tại các lời khai trong quá trình giải quyết bị đơn ông Trần Văn X trình bày:** Ông X và bà H đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã E Năm 2019 bà H bỏ nhà đi nên vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay. Nay bà H làm đơn ly hôn thì tôi đồng ý, vì hiện nay ông X với bà H không còn tình cảm với nhau nữa; về con chung có 02 con chung là Trần Thị Hồng T và Trần Xuân P nên ông X có nguyện vọng nuôi dưỡng cháu P cho đến khi cháu trưởng thành và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con; đối với cháu T đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; về tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành giao thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc Trần Văn X đều vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 3 Điều 209 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án đã tiến hành phiên họp và hòa giải vắng mặt đối với bị đơn ông Trần Văn X. Căn cứ Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS), Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử (HĐXX), Thư ký, nguyên đơn, đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của BLTTDS. Tuy nhiên bị đơn ông

Trần Văn X đã được triệu tập hợp lệ nhưng không đến tham gia phiên họp và hòa giải là vi phạm Điều 70, Điều 72, Điều 227 và Điều 228 của BLTTDS.

- Về nội dung: Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của BLTTDS; Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án; đề nghị HĐXX tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị H. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho bà Trần Thị H ly hôn với ông Trần Văn X; về con chung: Giao con chung Trần Xuân P, sinh ngày 04/3/2012 cho ông Trần Văn X nuôi dưỡng và chăm sóc cho đến khi con chung đủ 18 tuổi; Đối với con chung là Trần Thị Hồng T, sinh ngày 24/8/2005 đã trên 18 tuổi và đương sự không yêu cầu nên không đặt ra để giải quyết; về cấp dưỡng nuôi con: không yêu cầu nên không đặt ra để giải quyết; về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu nên không đặt ra để giải quyết; về án phí nguyên đơn phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của các đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1]. Xét về thẩm quyền và quan hệ tranh chấp: Căn cứ đơn khởi kiện của bà Trần Thị H, ghi ngày 13/08/2025, Tòa án nhân dân khu vực 7 xác định quan hệ pháp luật: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con được quy định tại khoản 1 Điều 28 của BLTTDS. Xét thấy bị đơn ông Trần Văn X, cư trú tại thôn C, xã E, tỉnh Đắk Lắk. Căn cứ điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS, Tòa án nhân dân khu vực 7, tỉnh Đắk Lắk thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền.

Xét thấy, nguyên đơn bà Trần Thị H và bị đơn ông Trần Văn X có đơn xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227; Điều 228 của BLTTDS Tòa án xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2]. Xét về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị H và ông Trần Văn X đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã E vào ngày 19/7/2008 trên cơ sở tự nguyện, đây là hôn

nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Trong thời gian chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn. Theo bà H nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung và đã sống ly thân từ năm 2021 đến nay; đối với ông Trần Văn X đã có văn bản đồng ý ly hôn với bà Trần Thị H.

HĐXX, xét thấy bà Trần Thị H và ông Trần Văn X do bất đồng về quan điểm sống, không có sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau nên tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Bị đơn ông Trần Văn X đồng ý ly hôn với bà Trần Thị H. Do đó, HĐXX cần chấp nhận đơn xin ly hôn của bà Trần Thị H. Xử lý bà Trần Thị H được ly hôn với ông Trần Văn X là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2]. Về con chung: Trong thời gian chung sống bà H và ông X có 02 con chung là Trần Thị Hồng T, sinh ngày 24/8/2005 và Trần Xuân P, sinh ngày 04/3/2012. Quá trình giải quyết vụ án ông Trần Văn X có nguyện vọng xin được nuôi dưỡng con chung là Trần Xuân P, sinh ngày 04/3/2012. Xét thấy nguyện vọng xin nuôi con của ông X phù hợp với nguyện vọng của cháu P và được bà H chấp nhận. Vì vậy, HĐXX căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, giao con chung là Trần Xuân P, sinh ngày 04/3/2012 cho ông Trần Văn X trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc là phù hợp với quy định của pháp luật.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự không yêu cầu. Do đó, HĐXX không đặt ra giải quyết.

- Đối với con chung là Trần Thị Hồng T, sinh ngày 24/8/2005, đã trên 18 tuổi. Do đó, HĐXX không đặt ra để giải quyết.

[2.3]. Về tài sản chung và công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu. Do đó, HĐXX không đặt ra để giải quyết.

[3]. Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Buộc bà Trần Thị H phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003223 ngày 23/10/2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

[4] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là hoàn toàn có căn cứ, đúng pháp luật nên HĐXX chấp nhận toàn bộ quan điểm của Viện kiểm sát.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27, tiểu mục 1.1 mục 1 phần II (Danh mục án phí) Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho bà Trần Thị H được ly hôn với ông Trần Văn X.

2. Về con chung: Giao con chung là Trần Xuân P, sinh ngày 04/3/2012 cho ông Trần Văn X trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi;

Về cấp dưỡng phí tổn nuôi con: Các đương sự không yêu cầu. Do đó, HĐXX không đặt ra giải quyết.

Đối với con chung là Trần Thị Hồng T, sinh ngày 24/8/2005, đã trên 18 tuổi, các đương sự không yêu cầu. Do đó, HĐXX không đặt ra giải quyết.

Bà Trần Thị H được quyền đi lại thăm nom và chăm sóc con chung, ông Trần Văn X không được quyền cản trở, tuy nhiên bà H không được lạm dụng việc thăm nom con chung để gây cản trở đến việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung; vì lợi ích của con chung khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con chung và cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung sau khi ly hôn.

3. Về tài sản chung và công nợ chung: Các đương sự tự thỏa thuận. Do đó, HĐXX không đặt ra để giải quyết.

4. Về án phí: Buộc bà Trần Thị H phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003223 ngày 23/10/2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn bà Trần Thị H và bị đơn ông Trần Văn X vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND Khu vực 7;
- Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk;
- UBND xã Ea Ô;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ; VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Võ Thị Mai